

SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Light

FREEDOM S1PS LOW TLS

FYTS1PSLT

Giày an toàn sáng t ạo , cự c **kỳ mái** oả i phần **mũi giày an toàn** p ả i **giúp theo** g t k yể n độ n g t ự **nhiên và khóa TLS**

S1PS (TLS) ể đóng bắn g m ộ t tay cự c **nhanh**, dễ **dàng** – **ngay** cả **khi** đeo găng tay **hoàn** hảo **trong** và **giày**. ố t mũi **không** giầy **kín** hình dạng g g



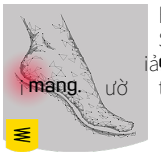
BLK

Những vật liệu cao cấp lộ may	D
lót bên trong	i 3D tái chế (100% tái chế)
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	i không dệt và hống thủng
ngoài Đ	ETPU/CAO SU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S1 PS / SR, SC, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-50 / UK 3.0-14.0 / US 3.0-15.0 JPN 21.5-33.0 / KOR 230-330
ng lượng t thép	0.545 kg
ẩn hóa u chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024





Barefoot-like walking
Anatomical toecap: barefoot-like walking for natural movement and reduced fatigue.



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân đảm ngày u hoặc chạy lên cơ thể ng
i mang. ười



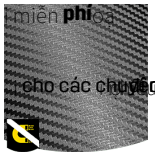
Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, kim l
hông thấm



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ c **mát** hơn lâu hơn.



TLS (Hệ thống) **khóa** x
Nhờ phần đóng TLS sáng tạo của Safety Jogger , bạn có thể giày an toàn ngay lập tức và trong mọi hoàn cảnh, ngay cả khi đeo găng tay an toàn này, hệ thống TLS đảm bảo độ chính xác phù hợp nhanh chóng, an toàn và dễ dàng. Một trong đó cung cấp và thúc đẩy
ng c
. ất u



miễn **phí** oà
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chu
l

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Ngành công n gbiệ ầnp , hậ

ường: **Môi** t
ru ờn mộ i khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằ phẳ cá phủ hà nhiệ Khô trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật lt **máy** D **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ntu ấm ớc h ơ	? 0.8		32.71	iờ	mg/cm/g
	Top: hi ệu suố ớc h ơ	? 15		262		mg/cm2
ót bên trong	i **3D tái** L ch ế **(100% tái** ch ế)					
	L ớp **lót:** nt ấm ớc h ơ	? 2		37.07	iờ	mg/cm/g
	lót: hi ệu suố ớc h ơ	? 20		297		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800		Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài	Đ **ETPU/CAO SU**					
	Ch ố i ảm tr ng ế ngoài (	? 150		114		mm
	Chư ố tr ợt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề phía t	? 0.31		0.47		ma sát
	ru Cộ ợt có ớt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36		0.45		ma sát
	ru Cộ ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19		0.35		ma sát
	Chư ố tr ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22		0.32		ma sát
	ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000		42.6		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		20		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20		33		J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		16.5		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		23.0		mm

kích thước thép: 42

a chú Giầy Khuyến nghị có t thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản ủ

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#hát** thả						
	V ật l iệu			4.99		kg
	Bao bì			0.12		kg
	ất Sản x u			1.90		kg
	Chuyên ch ở			0.26		kg
				7.26 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t	K u	q
ệ vật l Tiệ ỷ **tái** ch ế					
	Product			18%	
	Bao bì			99%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính t thay đổi.